

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

---

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-33

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 02 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 12/07/2017
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/07/2017
Ông Lê Việt	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Hường	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 31/03/2017
Ông Tạ Ngọc Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31/03/2017
Ông Nguyễn Văn Đại	Thành viên	
Bà Võ Thị Lê Châu	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Đại	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Thọ	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 02 năm 2018

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được lập ngày 20 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay phải trả với Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel lũy kể đến 31/12/2017 là 17.955.878.561 đồng, trong đó chi phí năm 2016 và năm 2017 chưa ghi nhận lần lượt là 9.548.212.755 đồng và 8.407.665.806 đồng. Điều này dẫn đến trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 chi tiêu "Chi phí phải trả" đang phản ánh thiếu và chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đang phản ánh thừa với cùng số tiền 17.955.878.561 đồng, chi tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017, năm 2016 đang phản ánh thừa số tiền tương ứng là 8.407.665.806 đồng, 9.548.212.755 đồng.

Trong năm 2016, Công ty đã ký các hợp đồng cung cấp thép tấm lá số 01,02,03/HĐMB-2016-TNFS với giá bán cố định bình quân là 8.891.940 đồng/tấn với Công ty Tôn Phương Nam, tổng số lượng thép tấm lá theo các hợp đồng là 5.000 tấn, Công ty đã cung cấp được 2.857 tấn, còn 2.143 tấn chưa cung cấp. Tuy nhiên do giá thép liên tục tăng, nên tới thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa thực hiện cung cấp số thép còn lại theo các điều khoản của hợp đồng này. Tại thời điểm 01/01/2017 và 31/12/2017, Công ty đang thực hiện trích lập Dự phòng phải trả đối với tổn thất nếu tiếp tục thực hiện các hợp đồng trên với số tiền lần lượt là 7.517.579.637 đồng và 12.495.864.475 đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được chính xác giá trị khoản thiệt hại có thể phát sinh nếu Công ty hủy bỏ hợp đồng nêu trên hoặc tiếp tục cung cấp bổ sung lượng hàng còn thiếu theo các hợp đồng đã ký với Công ty Tôn Phương Nam. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh khoản Dự phòng phải trả đối với hợp đồng này hay không.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Tại thời điểm 31/12/2017, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 163,87 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 176,29 tỷ đồng, tương ứng 88,15% vốn chủ sở hữu. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

#### **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biễn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2018-002-1

**Trần Quang Mẫu**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0668-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2018*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>192.096.237.724</b>	<b>135.149.836.223</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>97.835.311.975</b>	<b>10.831.908.050</b>
111	1. Tiền		31.271.423.086	4.831.908.050
112	2. Các khoản tương đương tiền		66.563.888.889	6.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>19.108.160.983</b>	<b>28.417.077.980</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	687.718.600	16.679.151.872
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.577.891.724	838.365.787
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	13.842.550.659	10.899.560.321
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>72.898.900.908</b>	<b>93.292.878.570</b>
141	1. Hàng tồn kho		74.103.695.237	93.292.878.570
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.204.794.329)	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.253.863.858</b>	<b>2.607.971.623</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	639.018.276	321.423.357
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.522.963.082	2.222.320.492
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	91.882.500	64.227.774
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>367.882.418.547</b>	<b>384.538.300.855</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>352.091.827.087</b>	<b>380.204.849.932</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	352.091.827.087	380.204.849.932
222	- Nguyên giá		540.620.465.697	540.620.465.697
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(188.528.638.610)	(160.415.615.765)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>15.790.591.460</b>	<b>4.333.450.923</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	15.790.591.460	4.333.450.923
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>559.978.656.271</b>	<b>519.688.137.078</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>535.500.619.167</b>	<b>571.328.675.145</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>355.967.251.292</b>	<b>324.259.206.054</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	136.902.105.066	141.758.943.373
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	20.404.510.194	6.118.406.317
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.120.122.424	-
314	4. Phải trả người lao động		908.442.853	619.502.201
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	4.474.560.239	1.302.760.896
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	82.855.890.133	71.513.090.213
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	95.682.376.101	95.305.543.610
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	12.495.864.475	7.517.579.637
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		123.379.807	123.379.807
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>179.533.367.875</b>	<b>247.069.469.091</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	179.533.367.875	247.069.469.091
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>24.478.037.104</b>	<b>(51.640.538.067)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>24.478.037.104</b>	<b>(51.640.538.067)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		769.839.744	769.839.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(176.291.802.640)	(252.410.377.811)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(252.410.377.811)	(285.728.497.578)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		76.118.575.171	33.318.119.767
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>559.978.656.271</b>	<b>519.688.137.078</b>

  
Võ Thị Thủy  
Người lập

  
Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 02 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.514.482.309.224	1.365.146.037.804
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	1.307.862.503	216.741.559
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.513.174.446.721	1.364.929.296.245
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.411.591.466.879	1.307.912.080.015
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		101.582.979.842	57.017.216.230
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.850.388.812	2.039.842.600
22	7. Chi phí tài chính	23	13.949.524.575	17.131.379.231
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		13.579.399.474	13.476.068.649
25	8. Chi phí bán hàng	24	2.364.776.696	1.763.756.819
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9.903.175.098	7.490.656.074
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		77.215.892.285	32.671.266.706
31	11. Thu nhập khác	26	59.684.140	1.112.168.781
32	12. Chi phí khác	27	1.157.001.254	465.315.720
40	13. Lợi nhuận khác		(1.097.317.114)	646.853.061
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		76.118.575.171	33.318.119.767
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		76.118.575.171	33.318.119.767
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	3.806	1.666

Võ Thị Thủy

Trần Thị Thùy Trang

Nguyễn Văn Đại

Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		76.118.575.171	33.318.119.767
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		28.113.022.845	28.209.418.469
03	- Các khoản dự phòng		6.183.079.167	7.501.927.128
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		333.380.386	3.599.444.196
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.564.516.272)	(392.897.667)
06	- Chi phí lãi vay		13.579.399.474	13.476.068.649
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	(8.043.750)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		122.762.940.771	85.704.036.792
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		10.114.359.366	(24.163.939.015)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		19.189.183.333	(47.145.016.141)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		15.000.197.613	26.059.577.276
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(11.774.735.456)	2.730.996.210
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.208.938.531)	(2.009.987.091)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(538.179.807)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		153.083.007.096	40.637.488.224
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.430.776.587	261.940.242
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.430.776.587	261.940.242

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**


Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		55.672.313.143	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(123.182.763.120)	(31.968.840.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(67.510.449.977)</i>	<i>(31.968.840.000)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		87.003.333.706	8.930.588.466
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.831.908.050	1.900.933.938
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		70.219	385.646
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<u>97.835.311.975</u>	<u>10.831.908.050</u>

  
Võ Thị Thủy  
Người lập

  
Trần Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Văn Đại  
Tổng Giám đốc



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 02 năm 2018

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2017

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 02 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2017, Công ty đã ký kết được các hợp đồng lớn về gia công và cung cấp hàng hóa cho Công ty Tôn Phương Nam, Công ty Cổ phần Tôn Đông Á và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen, nhờ đó đã đẩy doanh thu bán hàng tăng 10,94% và lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty tăng đáng kể so với năm trước.

Tại thời điểm 31/12/2017, lỗ lũy kế của Công ty là 176.291.802.640 đồng, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 163.871.013.568 đồng. Tuy nhiên các khoản nợ vay ngân hàng của Công ty được Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP bảo lãnh và các khoản nợ khác của Công ty với các đơn vị trong cùng Tổng Công ty được cho trả dần nợ trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả bên ngoài vẫn được thanh toán đúng tiến độ và không có nợ quá hạn. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty huy động đủ nguồn vốn để thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được lập dựa trên giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục là phù hợp.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành ở mỗi giai đoạn sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

**2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.10 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.11 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.12 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

### 2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 2.15 . Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.



Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.17 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.18 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp****a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**b) Ưu đãi thuế**

Theo giấy phép đầu tư số 492031000061 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp chứng nhận lần đầu ngày 20/09/2007, Công ty được hưởng thuế suất 15% trên lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 28% (nay là 20%) lợi nhuận thu được trong các năm tiếp theo. Miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm thứ 11 Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 15%.

**2.20 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(7.517.579.637)	-	(7.517.579.637)	(1)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	7.517.579.637	7.517.579.637	(2)

(1) Điều chỉnh giảm giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2016 do chưa phù hợp với thực tế.

(2) Điều chỉnh tăng giá trị dự phòng tổn thất đối với các Hợp đồng cung cấp thép tấm lá số 01, 02, 03/HĐMB-2016-TNFS. Chi tiết xem Thuyết minh số 17.

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	253.214.495	108.669.376
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.018.208.591	4.723.238.674
Các khoản tương đương tiền	66.563.888.889	6.000.000.000
	<b>97.835.311.975</b>	<b>10.831.908.050</b>

Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 66.563.888.889 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 8,7%/năm.

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	313.677.540	-
- Công ty Cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	-	16.522.742.357
- Các khoản phải thu khách hàng khác	374.041.060	156.409.515
	<b>687.718.600</b>	<b>16.679.151.872</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	602.397.893	-	-	-
Công ty TNHH STD & D	1.907.526.300	-	158.311.180	-
Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam Việt	1.706.383.800	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	361.583.731	-	680.054.607	-
	<b>4.577.891.724</b>	<b>-</b>	<b>838.365.787</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	264.697.110	-	130.957.425	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	1.022.575	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	4.661.644	-	-	-
Tạm ứng	462.698.702	-	233.444.816	-
Ký cược, ký quỹ	13.105.155.530	-	10.535.158.080	-
Phải thu khác	4.315.098	-	-	-
	<b>13.842.550.659</b>	<b>-</b>	<b>10.899.560.321</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	54.519.185.686	-	44.983.952.401	-
Công cụ, dụng cụ	46.127.348	-	58.158.284	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.843.752.893	(1.088.321.261)	9.682.147.171	-
Thành phẩm	1.694.629.310	(116.473.068)	11.823.648.760	-
Hàng hoá	-	-	26.744.971.954	-
	<b>74.103.695.237</b>	<b>(1.204.794.329)</b>	<b>93.292.878.570</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	74.852.755.884	444.684.042.360	19.925.625.063	1.158.042.390	540.620.465.697
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>74.852.755.884</b>	<b>444.684.042.360</b>	<b>19.925.625.063</b>	<b>1.158.042.390</b>	<b>540.620.465.697</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	13.049.448.877	132.920.154.162	13.391.608.602	1.054.404.124	160.415.615.765
- Khấu hao trong năm	1.994.334.420	24.109.900.943	1.943.440.272	65.347.210	28.113.022.845
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.043.783.297</b>	<b>157.030.055.105</b>	<b>15.335.048.874</b>	<b>1.119.751.334</b>	<b>188.528.638.610</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	61.803.307.007	311.763.888.198	6.534.016.461	103.638.266	380.204.849.932
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>59.808.972.587</b>	<b>287.653.987.255</b>	<b>4.590.576.189</b>	<b>38.291.056</b>	<b>352.091.827.087</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 299.412.012.468 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.411.919.682 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÓNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	174.562.438
Chi phí bảo hiểm	187.982.269	146.860.919
Chi phí sửa chữa ngắn hạn	451.036.007	-
	<b>639.018.276</b>	<b>321.423.357</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ và sửa chữa máy	6.329.616.793	4.333.450.923
Trục cán thép và phụ tùng trục cán	8.577.756.931	-
Chi phí sửa chữa dài hạn khác	883.217.736	-
	<b>15.790.591.460</b>	<b>4.333.450.923</b>

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	26.013.939.116	26.013.939.116	29.719.564.427	29.719.564.427
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Nguyên Minh	40.042.352.510	40.042.352.510	-	-
Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - Vnsteel	47.927.497.058	47.927.497.058	51.159.408.691	51.159.408.691
Phải trả khác	22.918.316.382	22.918.316.382	60.879.970.255	60.879.970.255
	<b>136.902.105.066</b>	<b>136.902.105.066</b>	<b>141.758.943.373</b>	<b>141.758.943.373</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - Vnsteel	39.149.486.347	39.149.486.347	-	-
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	25.007.810.339	25.007.810.339	27.807.810.339	27.807.810.339
	<b>64.157.296.686</b>	<b>64.157.296.686</b>	<b>27.807.810.339</b>	<b>27.807.810.339</b>
<b>c) Phải trả bên liên quan</b>	<b>50.110.763.556</b>	<b>50.110.763.556</b>	<b>53.342.675.189</b>	<b>53.342.675.189</b>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)				

**12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	20.192.300.250	196.010.908
Người mua trả tiền trước khác	212.209.944	5.922.395.409
	<b>20.404.510.194</b>	<b>6.118.406.317</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	16.893.851.017	14.773.728.593	-	-	-	-	-	2.120.122.424
Thuế Thu nhập cá nhân	64.227.774	-	142.487.984	170.142.710	-	-	91.882.500	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	53.280.000	53.280.000	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-	-	-	-	-
	<b>64.227.774</b>	<b>-</b>	<b>17.094.619.001</b>	<b>15.002.151.303</b>	<b>91.882.500</b>	<b>-</b>	<b>91.882.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.120.122.424</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Lãi chậm trả công nợ mua nguyên vật liệu	2.229.009.425	
- Lương phép và lương tháng 13	2.172.550.814	1.123.733.590
- Chi phí phải trả khác	73.000.000	179.027.306
	<u><b>4.474.560.239</b></u>	<u><b>1.302.760.896</b></u>

**15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	16.190.938	6.012.453
- Bảo hiểm xã hội	1.555.159	-
- Lãi chậm trả công nợ mua nguyên vật liệu	33.284.373.760	33.284.373.760
- Phải trả lãi vay	49.427.020.558	38.056.559.615
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	126.749.718	166.144.385
	<u><b>82.855.890.133</b></u>	<u><b>71.513.090.213</b></u>

000  
NG  
i PI  
P T  
JNC  
H-T

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**16 . VAY NGẮN VÀ DÀI HẠN**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Nợ dài hạn đến hạn trả	95.305.543.610	95.305.543.610	63.870.661.518	63.493.829.027	95.682.376.101	95.682.376.101
- Công ty CP Tài chính Xi măng (CFC) <sup>(1)</sup>	63.840.253.306	63.840.253.306	38.460.028.320	32.028.538.723	70.271.742.903	70.271.742.903
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(2)</sup>	31.465.290.304	31.465.290.304	25.410.633.198	31.465.290.304	25.410.633.198	25.410.633.198
	<b>95.305.543.610</b>	<b>95.305.543.610</b>	<b>63.870.661.518</b>	<b>63.493.829.027</b>	<b>95.682.376.101</b>	<b>95.682.376.101</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Hợp đồng đồng tài trợ giữa Vietcombank và CFC	239.994.522.735	239.994.522.735	56.023.494.395	107.182.763.120	188.835.254.010	188.835.254.010
- Công ty CP Tài chính Xi măng (CFC) <sup>(1)</sup>	151.506.965.044	151.506.965.044	976.465	33.409.199.661	118.098.741.848	118.098.741.848
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(2)</sup>	88.487.557.691	88.487.557.691	56.022.517.930	73.773.563.459	70.736.512.162	70.736.512.162
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP <sup>(3)</sup>	102.380.489.966	102.380.489.966	-	16.000.000.000	86.380.489.966	86.380.489.966
	<b>342.375.012.701</b>	<b>342.375.012.701</b>	<b>56.023.494.395</b>	<b>123.182.763.120</b>	<b>275.215.743.976</b>	<b>275.215.743.976</b>
	(95.305.543.610)	(95.305.543.610)	(63.870.661.518)	(63.493.829.027)	(95.682.376.101)	(95.682.376.101)
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	<b>247.069.469.091</b>	<b>247.069.469.091</b>			<b>179.533.367.875</b>	<b>179.533.367.875</b>
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng						



# CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

## Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

### (1) Khoản vay Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng (CFC) bao gồm 03 hợp đồng, chi tiết:

- (i) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.01 và CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.02 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000 USD;
  - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 216 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.034.991 USD, tương đương với 91.735.520.385 VND; Toàn bộ số dư này đã đến hạn trả trong năm 2018;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

- (ii) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 55.340.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi phí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 216 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 26.363.221.463 VND; Số dư vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2018 là: 10.348.913.566 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

### (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam bao gồm 02 hợp đồng, chi tiết:

- (i) Hợp đồng tín dụng số VCB.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 30/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 77.310.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi phí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 216 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 28.331.781.272 VND; trong đó số dư vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2018 là 8.651.086.434 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự Án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

- (ii) Hợp đồng tín dụng số VCB.2016.0017/ĐTDA/09CN ngày 30/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 5.000.000 USD;
  - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng.
  - + Thời hạn của hợp đồng: 216 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.865.174 USD, tương đương với 42.404.730.890 VND; trong đó Số dư vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2018 là 737.169 USD tương đương với 16.759.546.764 VND;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

**(3) Khoản vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP:**

Đây là khoản Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2017 là 86.380.489.966 đồng.

**c) Các khoản vay đối với các bên liên quan**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP				
(1)	86.380.489.966	-	102.380.489.966	-
Công ty CP Tài chính Xi măng (1)	118.098.741.848	6.685.740.907	151.506.965.044	7.124.684.052
	<b>204.479.231.814</b>	<b>6.685.740.907</b>	<b>253.887.455.010</b>	<b>7.124.684.052</b>

Ghi chú:

(1) Cổ đông sáng lập

**17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
- Dự phòng phải trả các hợp đồng cung cấp thép tấm lá với Công ty Tôn Phương Nam (*)	12.495.864.475	7.517.579.637
	<b>12.495.864.475</b>	<b>7.517.579.637</b>

(\*) Trong năm 2016, Công ty đã ký các hợp đồng cung cấp thép tấm lá số 01,02,03/HĐMB-2016-TNFS với giá bán cố định bình quân là 8.891.940 đồng/tấn với Công ty Tôn Phương Nam, tổng số lượng thép tấm lá theo các hợp đồng là 5.000 tấn, Công ty đã cung cấp được 2.857 tấn, còn 2.143 tấn chưa cung cấp. Tuy nhiên do giá liên tục tăng, việc tiếp tục cung cấp thép có thể dẫn đến những thiệt hại lớn nên Công ty chưa quyết định sẽ tiếp tục cung cấp theo các điều khoản của hợp đồng nêu trên. Do đó Công ty ước tính số dự phòng tổn thất của các hợp đồng trên để ghi nhận vào Báo cáo tài chính tại các thời điểm 31/12/2016 và 31/12/2017. Đồng thời, Công ty vẫn đang tiếp tục thương lượng với Công ty Tôn Phương Nam để tiếp tục triển khai hợp đồng và giảm thiểu tổn thất có thể phát sinh từ các hợp đồng này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	769.839.744	(285.728.497.578)	(84.958.657.834)
Lãi trong năm trước	-	-	33.318.119.767	33.318.119.767
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	769.839.744	(252.410.377.811)	(51.640.538.067)
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	769.839.744	(252.410.377.811)	(51.640.538.067)
Lãi trong năm nay	-	-	76.118.575.171	76.118.575.171
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	769.839.744	(176.291.802.640)	24.478.037.104

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	62.494.810.000	31,25%	62.494.810.000	31,25%
Công ty Tôn Phương Nam	10.000.000.000	5,00%	10.000.000.000	5,00%
Công ty CP Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000	7,00%
Công ty TNHH Thương mại Thép Mười Đẩy	2.800.000.000	1,40%	2.800.000.000	1,40%
Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC	14.000.000.000	7,00%	14.000.000.000	7,00%
Công ty CP Tài chính Xi Măng	11.999.090.000	6,00%	11.999.090.000	6,00%
Các cổ đông khác	84.706.100.000	42,35%	84.706.100.000	42,35%
	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	769.839.744	769.839.744
	<b>769.839.744</b>	<b>769.839.744</b>

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.293.776.709.235	1.273.012.463.082
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	193.792.700.542	76.226.214.629
Doanh thu bán phế liệu	26.912.899.447	15.907.360.093
	<b>1.514.482.309.224</b>	<b>1.365.146.037.804</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)	<b>334.731.378.378</b>	<b>274.747.695.308</b>

**20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	802.882.162	-
Giảm giá hàng bán	504.980.341	216.741.559
	<b>1.307.862.503</b>	<b>216.741.559</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.260.438.651.186	1.233.317.952.847
Giá vốn gia công	118.676.568.367	50.276.083.884
Giá vốn bán phế liệu	26.293.168.159	16.816.116.156
Dự phòng khoản phải trả	4.978.284.838	7.501.927.128
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.204.794.329	-
	<b><u>1.411.591.466.879</u></b>	<b><u>1.307.912.080.015</u></b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.564.516.272	392.897.667
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	285.872.540	1.646.944.933
	<b><u>1.850.388.812</u></b>	<b><u>2.039.842.600</u></b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.579.399.474	13.476.068.649
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	36.744.715	55.866.386
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	333.380.386	3.599.444.196
	<b><u>13.949.524.575</u></b>	<b><u>17.131.379.231</u></b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.593.305.847	1.429.360.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	401.753.781	136.648.144
Chi phí khác bằng tiền	369.717.068	197.748.471
	<b><u>2.364.776.696</u></b>	<b><u>1.763.756.819</u></b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	244.282.326	42.713.013
Chi phí nhân công	4.253.621.656	3.005.119.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	220.978.498	239.817.704
Thuế, phí, lệ phí	68.693.380	18.115.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.667.563.313	1.849.352.560
Chi phí khác bằng tiền	3.448.035.925	2.335.538.313
	<b><u>9.903.175.098</u></b>	<b><u>7.490.656.074</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**26 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hoàn thuế nhà thầu	-	976.680.389
Thu nhập khác	59.684.140	135.488.392
	<b>59.684.140</b>	<b>1.112.168.781</b>

**27 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu nộp thuế	341.694.417	99.040.124
Chi phí không đủ hóa đơn, chứng từ	614.703.233	-
Chi phí khác	200.603.604	366.275.596
	<b>1.157.001.254</b>	<b>465.315.720</b>

**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	76.118.575.171	33.318.119.767
Các khoản điều chỉnh tăng	956.397.650	-
- Chi phí không hợp lệ	956.397.650	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(77.074.972.821)	(33.318.119.767)
- Chuyển lỗ các năm trước	(77.074.972.821)	(33.318.119.767)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 15%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	76.118.575.171	33.318.119.767
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	76.118.575.171	33.318.119.767
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.806</b>	<b>1.666</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.835.311.975	-	10.831.908.050	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.530.269.259	-	27.578.712.193	-
	<b>112.365.581.234</b>	<b>-</b>	<b>38.410.620.243</b>	<b>-</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			275.215.743.976	342.375.012.701
Phải trả người bán, phải trả khác			219.757.995.199	213.272.033.586
Chi phí phải trả			4.474.560.239	1.302.760.896
			<b>499.448.299.414</b>	<b>556.949.807.183</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.835.311.975	-	-	97.835.311.975
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.530.269.259	-	-	14.530.269.259
	<b>112.365.581.234</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>112.365.581.234</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.831.908.050	-	-	10.831.908.050
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.578.712.193	-	-	27.578.712.193
	<b>38.410.620.243</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38.410.620.243</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	95.682.376.101	179.533.367.875	-	275.215.743.976
Phải trả người bán, phải trả khác	219.757.995.199	-	-	219.757.995.199
Chi phí phải trả	4.474.560.239	-	-	4.474.560.239
	<b>319.914.931.539</b>	<b>179.533.367.875</b>	<b>-</b>	<b>499.448.299.414</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	95.305.543.610	247.069.469.091	-	342.375.012.701
Phải trả người bán, phải trả khác	213.272.033.586	-	-	213.272.033.586
Chi phí phải trả	1.302.760.896	-	-	1.302.760.896
	<b>309.880.338.092</b>	<b>247.069.469.091</b>	<b>-</b>	<b>556.949.807.183</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thép tấm lá và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 16.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Doanh thu</b>		<b>334.731.378.378</b>	<b>274.747.695.308</b>
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đồng sáng lập	268.510.227.740	242.215.140.594
Công ty CP Kim khí TP. Hồ Chí Minh - Vnsteel	Cổ đồng sáng lập	66.221.150.638	32.532.554.714
<b>Mua hàng</b>		<b>88.164.160.029</b>	<b>120.913.035.482</b>
Công ty CP Kim khí TP. Hồ Chí Minh - Vnsteel	Cổ đồng sáng lập	87.956.898.117	120.913.035.482
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đồng sáng lập	207.261.912	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
		VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>50.110.763.556</b>	<b>53.342.675.189</b>
Công ty CP Kim khí TP. Hồ Chí Minh - Vnsteel	Cổ đồng sáng lập	47.927.497.058	51.159.408.691
Công ty CP Tài chính Xi măng	Cổ đồng sáng lập	2.183.266.498	2.183.266.498
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>108.256.107</b>	<b>2.621.574.558</b>
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đồng sáng lập	108.256.107	2.621.574.558
<b>Lãi trả chậm</b>		<b>20.936.791.319</b>	<b>20.936.791.319</b>
Công ty CP Kim khí TP. Hồ Chí Minh - Vnsteel	Cổ đồng sáng lập	10.158.875.813	10.158.875.813
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đồng sáng lập	10.777.915.506	10.777.915.506

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	412.768.141	302.906.400
Thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc khác	367.929.038	281.319.890


**34 . SỐ LIỆU SO SÁNH**


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u>
		VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.302.760.896	72.643.694.271
Phải trả ngắn hạn khác	319	71.513.090.213	172.156.838

  
 Võ Thị Thủy  
 Người lập

  
 Trần Thị Thùy Trang  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Văn Đại  
 Tổng Giám đốc


Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 02 năm 2018